TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 14 - 01 - 2022
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Cúc

Ông Bùi Ngọc Nam;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T - sinh năm 1993;

ĐKHKTT: Khu phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Khu phố S, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;(có mặt)

Bị đơn: Anh N guyễn Văn N- sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa;(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào ngày 19/7/2011 và đến ngày 03/01/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả. Mỗi lần vợ chồng cải nhau, anh N còn đánh đập chị và có lần chị T phải mời trưởng khu phố đến can thiệp. Ngoài ra anh N còn chơi bời không chăm lo, quan tâm đến vợ con, cuộc sống không được hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị T được giải quyết ly hôn với anh N gọc.

Về con chung: Chị T và anh N có 03 con chung, là cháu Nguyễn Vũ Tuyết N - sinh ngày 02/11/2011; cháu Nguyễn Vũ Quang H– sinh ngày 04/8/2016 và cháu Nguyễn Vũ Quang A – sinh ngày 17/8/2020. Hiện tại cháu Tuyết N và cháu Quang A đang ở với chị T râm, cháu Quang Hđang ở với anh N gọc. Nay chị T đề nghị giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuyết N và cháu Quang A; anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quang Hvà các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị T tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đến ngày 03/01/2021 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình hình dịch covid anh N không đi làm thường xuyên được, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình khiến vợ chồng lục đục cải vả. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là lần cải nhau vào tháng 4 năm 2021, sau lần đó chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên chị T yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh N không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N và chị T có 03 con chung, là cháu Nguyễn Vũ Tuyết N - sinh ngày 02/11/2011; cháu Nguyễn Vũ Quang H– sinh ngày 04/8/2016 và cháu Nguyễn Vũ Quang A – sinh ngày 17/8/2020. Do anh N không đồng ý ly hôn nên anh N đề nghị 03 cháu vẫn do hai vợ chồng cùng nuôi dạy. Trường hợp nếu

phải ly hôn thì anh N đề nghị được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh N không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa lần 02 có mặt chị T râm, vắng mặt anh N gọc, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Kết thúc tranh luận, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh N gọc.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự và độ tuổi, tâm lý lứa tuổi để giao con theo quy định, cần giao cháu Nguyễn Vũ Tuyết N và cháu Nguyễn Vũ Quang A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Vũ Quang Hcho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Vũ Thị Tphải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Sầm Sơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn là đúng quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh N guyễn Văn Nđã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng và trở ngại khách quan, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N gọc.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N đã thực hiện lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, việc kết hôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả chị và anh không vi phạm các quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Trong thời kỳ hôn nhân ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 về sau, chị T và anh N sống không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, mâu thuẫn từ kinh tế gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng anh chị T hường xuyên cải vả nhau, xung đột nhau, có lần chị T phải mời trưởng khu phố đến can thiệp nhưng rồi mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng cũng ly thân nhau từ đó. Trong thời gian ly thân vợ chồng anh chị cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyện vọng xin ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận với ý kiến của Kiểm sát viên, cho chị Vũ Thị Tđược ly hôn anh N guyễn Văn Nlà phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Chị T và anh N có 03 con chung, là cháu Nguyễn Vũ Tuyết N - sinh ngày 02/11/2011; cháu Nguyễn Vũ Quang H– sinh ngày 04/8/2016 và cháu Nguyễn Vũ Quang A – sinh ngày 17/8/2020. Hiện tại cháu Tuyết N và cháu Quang A đang ở với chị T râm, cháu Quang Hđang ở với anh N gọc. Nay chị T đề nghị giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu Tuyết N và cháu Quang A, anh N nuôi dưỡng cháu Quang Hvà các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Cháu Quang A hiện tại mới hơn 01 tuổi, cháu Tuyết N là con gái và hiện tại 02 cháu đang ở với chị T nên việc giao 02 cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Quang H đang ở với anh N nên cần giao cháu cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Vũ Thị Tphải chịu, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh N guyễn Văn Ngọc.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Tuyết N và cháu Nguyễn Vũ Quang A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên; giao cháu Nguyễn Vũ Quang Hcho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Chị T và anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T và anh N có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị Tphải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013117 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Vũ Thị Tđược quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N guyễn Văn Nđược quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường Q;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng